

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HC - PT

Ngày: 12-3-2026

V/v: “*Kiến hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Đinh Phước Hòa

bà Trần Thị Kim Liên

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

- ***Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** bà Phạm Thị Nguyệt Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 239/2025/TLPT- HC ngày 17 tháng 11 năm 2025 về “*Kiến hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 207/2025/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 520/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện:*** bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm: 1968; địa chỉ: 3 Đ, phường B, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn L - sinh năm 1988; Địa chỉ: A L, phường B, tỉnh Đăk Lăk; có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. ***Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E; địa chỉ: Thôn C, phường E, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Xuân N - Phó Chủ tịch UBND xã; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người kháng cáo*: Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Kim Q, thông qua ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung tóm tắt theo trình bày của đương sự:

** Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Trước năm 1997 gia đình bà Q có nhận chuyển nhượng một thửa đất tọa lạc tại khối I, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do thời gian đã lâu nên bà Q không còn nhớ nhận chuyển nhượng đất của ai ở đâu và làm thất lạc giấy tờ mua bán viết tay. Đến năm 2007 gia đình bà Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất trên thuộc thửa đất số 16A, tờ bản đồ 117, diện tích: 935,2 m². Trong đó có: 100 m² đất ở đô thị; 835,2 m² trồng cây hàng năm khác.

Từ thời điểm gia đình bà Q nhận chuyển nhượng thửa đất trên cho đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007, cũng như từ năm 2007 cho đến năm 2018 gia đình bà Q sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với bất kỳ ai. Đồng thời từ năm 2007 cho đến nay gia đình bà Q không nhận được bất kỳ văn bản nào liên quan đến việc quản lý đất đai của Cơ quan quản lý đất đai ở địa phương cũng như các cấp có thẩm quyền cấp trên. Năm 2018 gia đình bà Q có đi xa để làm ăn và có giao lại cho em trai bà Q là ông Nguyễn Ngọc T nhờ trông coi quản lý hộ. Hiện nay ông T ở đâu bà Q không biết vì đã cắt liên lạc. Tuy nhiên, ông Nguyễn Ngọc T cũng lơ là trong việc quản lý, sử dụng tài sản là thửa đất bà Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, nên đã để cho đối tượng là dân địa phương bà H Buôn Krông lấn chiếm và bán cho người khác.

Bà Q đã khởi kiện bà H Buôn Krông tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” và được Tòa án thụ lý vào tháng 7/2024, tháng 9/2024 Tòa án cung cấp cho bà Q bản photo quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND thành phố B về việc hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thành phố B đã cấp cho gia đình bà Q thì bà Q mới biết GCNQSDĐ của gia đình bà đã bị hủy bỏ.

Trong suốt quá trình quản lý sử dụng đất kể từ khi nhận chuyển nhượng đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho đến nay, gia đình bà Q không hề nhận được bất kỳ văn bản nào của Cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai. Đồng thời việc bà Q được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 02 năm 2007 là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai. Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình bà Q là

không đúng quy định pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Q.

Vì vậy, Bà Nguyễn Thị Kim Q đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Tòa án nhân dân xem xét hủy quyết định số 2882/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố B: “về việc hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

1. Về quá trình Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ban hành Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị Kim Q.

- Hộ bà Nguyễn Thị Kim Q: Được UBND Thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 951106 ngày: 01/02/2007, thửa số 16A, tờ bản đồ số 117, có diện tích đất ở: 100m², đất nông nghiệp: 835,2m², tổng cộng: 935,2m².

- Qua kiểm tra hồ sơ gốc thể hiện bà Q nhận chuyển nhượng của ông Cao Phan Q1 năm 1997, hai bên viết giấy tay, không có diện tích, tứ cận. Hồ sơ kỹ thuật thửa đất được Trung tâm kỹ thuật địa chính đo vẽ ngày 05/9/2006. Đơn xin xác nhận nhà ở và đất ở do bà Kim Q lập ngày 20/7/2006, được cán bộ địa chính phường Y phê có nhà ở và trình Chủ tịch UBND phường Y ký; Đơn xin cấp giấy chứng nhận ngày 20/8/2006 được cán bộ địa chính phường Y phê nhận chuyển nhượng năm 1998, phù hợp quy hoạch và trình Chủ tịch UBND phường Y ký (12/9/2006).

- Trong quá trình cấp giấy U đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường cùng với UBND phường mời ông Cao Phan Q1 xác định rõ nguồn gốc. Biên Bản làm việc ngày 29/01/2007 thể hiện: Nguồn gốc lô đất là của ông Y Kring K và bà H Ner Êban khai phá trước năm 1975, năm 1996 cho con là H NerÊban (M) và sau đó bà H N1 chuyển nhượng lại cho ông Q1 để làm nhà và trồng điều. Năm 1998 bà Q nhận chuyển nhượng của ông Q1 việc sang nhượng chỉ viết giấy tay không qua chính quyền và ở ổn định từ đó đến nay. Bà Q đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế hàng năm.

- Ngày 10/7/2006 UBND phường E đình chỉ xây dựng nhà không phép và không có giấy tờ về đất của bà Nguyễn Thị Kim Q (hiện nay đã xây hoàn chỉnh).

- Ngày 28/9/2007, bà Nguyễn Thị Kim Q trình bày: Bà nhận sang nhượng đất của ông Q1 và H'Ner năm 2002, hiện trạng đất trồng điều kinh doanh, không có nhà. Năm 2006 bà Q phá điều, san ủi đất để tạo mặt bằng làm nhà. Việc mua bán với ông Q1 không có viết giấy, ông Q1 chỉ đưa giấy mua bán giữa ông Q1

với H2. Giấy sang nhượng đất ngày 11/10/1997 giữa bà Q Với ông Q1 là do bà nhờ chị gái viết và đưa cho vợ chồng ông Q1 ký.

- Ngày 27/9/2007 ông Cao Phan Q1 trình bày: ông Q1 thừa nhận lô đất bà Q được UBND thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có lô đất ông mua của H2 khoảng năm 2002 với diện tích 400m (20mx20m), sau đó H2 tiếp tục bán cho bà Q diện tích còn lại (500m), do tranh chấp lối đi giữa ông với bà H2 nên ông Q1 đã chuyển nhượng cho bà Q, việc chuyển nhượng không có viết giấy. Thời điểm ông Q1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà H2 thì khu đất là đất trồng điều, không có nhà ở. Do đó chữ viết và chữ ký trong giấy sang nhượng đất ở viết ngày 11/10/1997 giữa vợ chồng Ông với bà Q không phải chữ viết và chữ ký của vợ chồng ông.

- Ngày 01/10/2007 bà Q cung cấp Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất giữa bà H2 với ông Q1 được UBND phường E xác nhận ngày 21/11/1997 (bản photo), Sơ đồ hiện trạng lô đất được cán bộ địa chính phường Y Tit B'krông ký ngày 14/11/1997 và được Chủ tịch UBND phường Nguyễn Ngọc C ký không ghi ngày tháng (bản photo). Đồng thời thừa nhận Giấy mua bán sang nhượng giữa vợ chồng ông Q1 với bà ngày 11/10/1997 là do bà thiết lập và ký giả chữ ký vợ chồng ông Q1.

Theo Bản đồ đo đạc năm 1998 thửa đất số 16 là rừng trồng, không có lô 16A; diện tích 2,05ha, chiều dài theo đường là: 148,87m. Theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất của phường E giai đoạn 2002- 2010 (quy hoạch được duyệt năm 2004), thì không có lô 16A, khu vực này được quy hoạch trồng rừng, không quy hoạch đất ở.

Theo nội dung thông báo Kết luận số 114/KL-UBND ngày 08/9/2008 thì:

- Hộ bà Nguyễn Thị Kim Q: Việc bà Q kê khai nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng của ông Cao Phan Q1 năm 1997 là không đúng thực tế. Bà Q nhận chuyển nhượng của ông Q1 và bà H2 năm 2002, khi nhận chuyển nhượng hiện trạng thửa đất là trồng điều, không có nhà, đất quy hoạch là đất trồng. Năm 2006 tiến hành san ủi thửa đất, tạo mặt bằng để làm nhà. Hành vi trên của bà Q đã vi phạm vào Khoản 4 và 7 Điều 12 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 và Luật Đất đai; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 951106 ngày 01/02/2007, thửa số 16A, tờ bản đồ số 117, có diện tích 935,2m² (đất ở: 100m², đất nông nghiệp: 835,2m²) phải thu hồi và hủy bỏ.

Thực hiện Kết luận số 114/KL-UBND ngày 08/9/2008, UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị Kim Q.

2. Quan điểm của Chủ tịch UBND phường E:

- Theo bản đồ chính hiện nay UBND phường E đang quản lý thửa hiện thừa 16 (không có thửa 16A), tờ bản đồ 117 phường E (cũ) thì thửa đất này vẫn thể hiện đất rừng trồng.

- Đối việc giao nhận Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 cho bà Nguyễn Thị Kim Q hiện nay UBND phường E không nắm rõ, không có tài liệu để cung cấp.

Các Quyết định khoán rừng của Lâm trường Buôn Ma T1 cho các hộ hiện nay UBND phường E cũng không có lưu trữ nên không có tài liệu cung cấp.

- Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Q được lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ-Chi nhánh K3.

Việc UBND thành phố B Căn cứ Kết luận số 114/KL-UBND ngày 08/9/2008, ban hành Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị Kim Q là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đối với nội dung bà Nguyễn Thị Kim Q khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND thành phố là không có cơ sở giải quyết.

- *Người làm chứng bà H Jảo Buôn K1 trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất do ông Y Kring K (hiện nay đã chết) và bà H' Ner Êban (hiện nay ở đâu tôi không biết) khai hoang. Sau đó ông Y K2 sang nhượng cho bà Nguyễn Thị D (hiện nay đã chết). Tôi có nghe bà D nói bà D và ông Q1 có ý định chuyển nhượng đất cho bà Q nhưng bà Q không thanh toán tiền nên các bên không thực hiện chuyển nhượng đất nữa. Sau đó bà Q đi khỏi địa phương từ năm 2009. Ngày 24/9/2020 bà D sang nhượng cho tôi chiều ngang khoảng 20m, chiều dài 35m, trên đất có hai chòi nhỏ, chúng tôi có viết giấy tay với nhau (lúc này ông Q1 đã chết). Tôi đã giao tiền cho bà D và nhận đất để canh tác trồng hoa màu cho đến năm 2024 thì bà Q về lấn chiếm rào lại diện tích đất của tôi và cho rằng đây là đất của bà.

Tôi được biết bà Q được nhà nước cấp GCNQSDĐ vào năm 2007 là do một số cán bộ làm khống hồ sơ nên đã bị xử lý trách nhiệm hình sự, sau đó năm 2008 UBND thành phố B đã ban hành quyết định thu hồi đất của bà Q. Tôi xác định khi tôi nhận sang nhượng đất của bà D không có bà Q hay ông T ở trên đất, việc UBND thành phố B thu hồi giá trị pháp lý GCNQSDĐ là đúng.

Năm 2024 bà Q lấn chiếm rào lại đất của gia đình tôi và của các hộ bên cạnh để sử dụng chứ không phải chúng tôi tự nguyện trả lại đất cho bà. Tôi không có liên quan gì đến bà Q trong vụ án này nên tôi từ chối tham gia tố tụng và xin vắng

mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 207/2025/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

- Căn cứ Luật đất đai năm 2003;

- Luật bảo vệ phát triển rừng năm 2004;

- Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai năm 2003;

- Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2008 của Chính phủ quy định về bổ sung việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

- Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Q về việc yêu cầu hủy quyết định số 2882/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố B về việc hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 10-10-2025 người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Kim Q (ông Nguyễn Văn L đại diện theo ủy quyền) có Đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Nêu lý do kháng cáo là UBND thành phố B thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi chưa có kết quả thẩm định, kiểm tra thực tế, xác minh nguồn gốc của gia đình bà; chưa qua kết luận thanh tra; không bảo đảm khách quan; không tiến hành đối thoại với người sử dụng đất trước khi thu hồi; gây thiệt hại cho gia đình bà Q.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:

Người kháng cáo có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung trong Đơn kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và các bên đương sự đều được đảm bảo, phù hợp với các quy định của pháp luật. Đây là phiên toà lần thứ nhất, người kháng cáo và người bị kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên phiên toà được tiếp tục xét xử là bảo đảm. Xem xét kháng cáo của người khởi kiện thì thấy không có cơ sở để chấp nhận, nên đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét hủy Quyết định số 2882/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố B về việc hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi có Bản án sơ thẩm thì người khởi kiện kháng cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm lần thứ nhất, người kháng cáo và người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất tiến hành phiên toà phúc thẩm.

[2] Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 2882/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố B

Hộ bà Nguyễn Thị Kim Q được UBND Thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 951106 ngày: 01/02/2007, thửa số 16A, tờ bản đồ số 117, có diện tích đất ở là 100m², đất nông nghiệp là 835,2m², tổng cộng: 935,2m².

Người khởi kiện trình bày nguồn gốc đất thửa đất số 16A, tờ bản đồ 117 do gia đình bà Q nhận chuyển nhượng trước năm 1997 và sử dụng ổn định. Ngày 01/02/2007 gia đình bà Q được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 16A, tờ bản đồ 117 là đúng quy định của pháp luật.

Tại Kết luận số 114/KL-UBND ngày 08/9/2008 của UBND thành phố B về việc thanh tra tình hình quản lý, bảo vệ, sử dụng đất rừng tại Tổ dân phố I, phường

E thành phố B thể hiện: Theo Bản đồ đo đạc năm 1998 thửa đất số 16 là rừng trồng, không có lô 16A; diện tích 2,05ha, chiều dài theo đường là: 148,87m. Theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất của phường E giai đoạn 2002- 2010 (quy hoạch được duyệt năm 2004), thì không có lô 16A, khu vực này được quy hoạch trồng rừng, không quy hoạch đất ở.

Các đương sự cũng đều xác định theo bản đồ địa chính hiện nay UBND phường E đang quản lý cũng thể hiện thửa 16 (không có thửa 16A), tờ bản đồ số 117, phường E (cũ) thì thửa đất này vẫn thể hiện là đất trồng rừng.

Tại kết luận cũng chỉ rõ sai phạm của các cơ quan có thẩm quyền trong việc quản lý, bảo vệ rừng để cho cho các hộ dân lấn chiếm, sử dụng đất không đúng mục đích, chuyển nhượng trái phép, chuyển mục đích sử dụng trái pháp luật, sau ủi, làm nhà trên đất và công tác thẩm tra, xác minh nguồn gốc, tham mưu đề xuất dẫn đến việc UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH-951106 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim Q không đúng quy định.

Do đó, UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ số AH 951106 ngày 01/02/2007 cho hộ bà Q, trong đó có 100 m² đất ở đô thị và 835,2 m² trồng cây hàng năm khác là không đúng. Nên UBND thành phố B thu hồi và hủy bỏ theo quy định tại Điều 38 Luật đất đai năm 2004 và các điều 4, 7, 12 Luật bảo vệ phát triển rừng năm 2004 là có căn cứ và kịp thời.

Sau khi có kết luận số 114/KL-UBND ngày 08/9/2008 về việc thanh tra, Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 về việc hủy bỏ giá trị pháp lý GCNQSDĐ của hộ bà Q là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 21 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ là đảm bảo thủ tục, rõ ràng và khách quan.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện các tài liệu chứng cứ và quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Q là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim Q phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim Q; giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 207/2025/HC-ST ngày 25-9-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Nguyễn Thị Kim Q phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0002459 ngày 15-10-2025 của Cục Thi hành án dân sự Đắk Lắk. Bà Nguyễn Thị Kim Q đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ IV-TAND tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSPA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long